THANHCONG Securities
QUALITY MAKES DIFFERENCE

# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG TUẦN 40

## 02/10/2023 - 06/10/2023

## Diễn biến Vnindex

| Ngày | Thay đổi | P/E |
|---|---|---|
| 10/10/2023 | 9,56% | 13,35 |

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

## Mua/bán ròng khối ngoại theo tuần từ đầu năm 2023 (Tỷ)

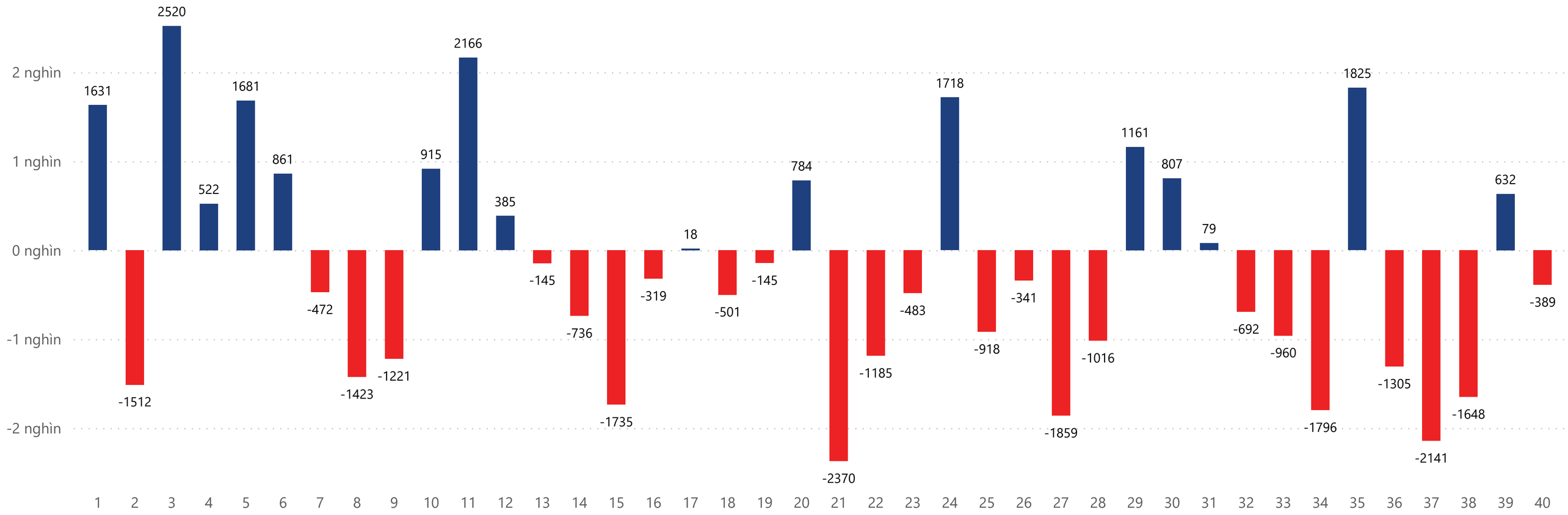

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

## Mua/bán ròng theo khối ngoại từ 2021 đến nay (Tỷ)

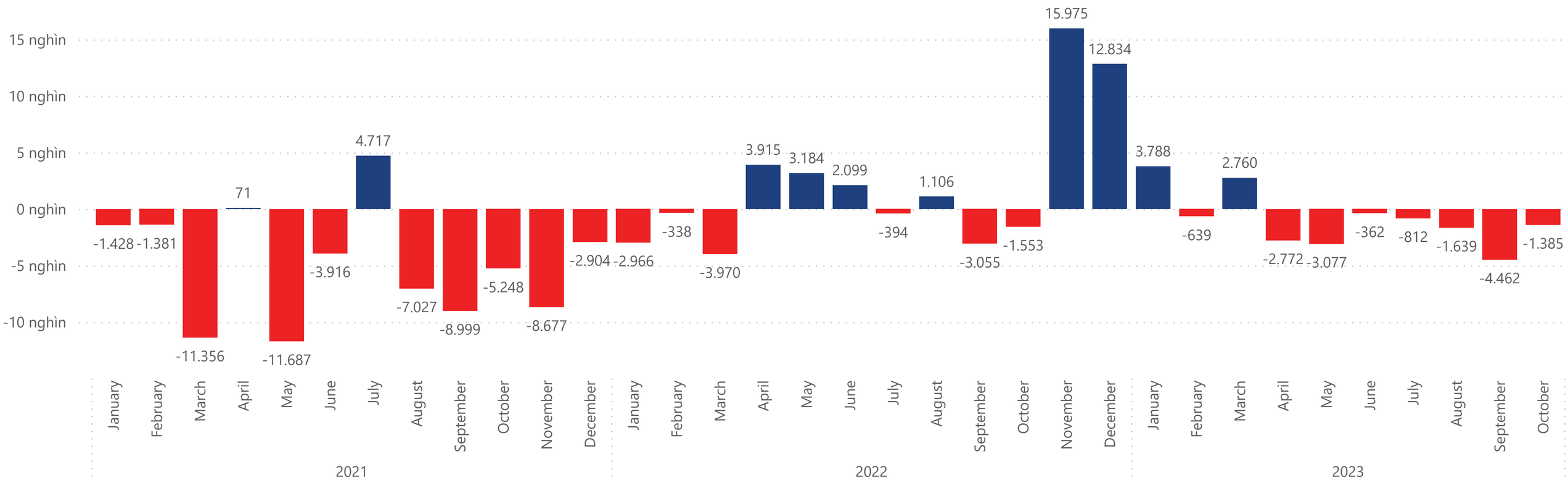

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Ngày
06/10/2023

## Top 10 cổ phiếu được mua ròng lớn nhất từ NN trong tuần

| Mã cổ phiếu | Giá trị mua (Tỷ) |
|---|---|
| SSI | 131,37 |
| VRE | 110,01 |
| DGC | 97,11 |
| VIX | 71,10 |
| VNM | 57,92 |
| VND | 47,38 |
| DXG | 37,72 |
| GEX | 34,36 |
| FTS | 32,91 |
| HSG | 31,56 |

Ngày
06/10/2023

## Top 10 cổ phiếu được bán ròng lớn nhất từ NN trong tuần

| Mã cổ phiếu | Giá trị bán (Tỷ) |
|---|---|
| MSN | -183,48 |
| CTG | -123,26 |
| VCI | -86,26 |
| FUEVFVND | -83,61 |
| VPB | -81,79 |
| POW | -64,89 |
| VIC | -53,44 |
| MWG | -51,15 |
| VHM | -47,94 |
| PVD | -46,25 |

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

## Mua/bán ròng tự doanh theo tuần từ đầu năm 2023 (Tỷ)

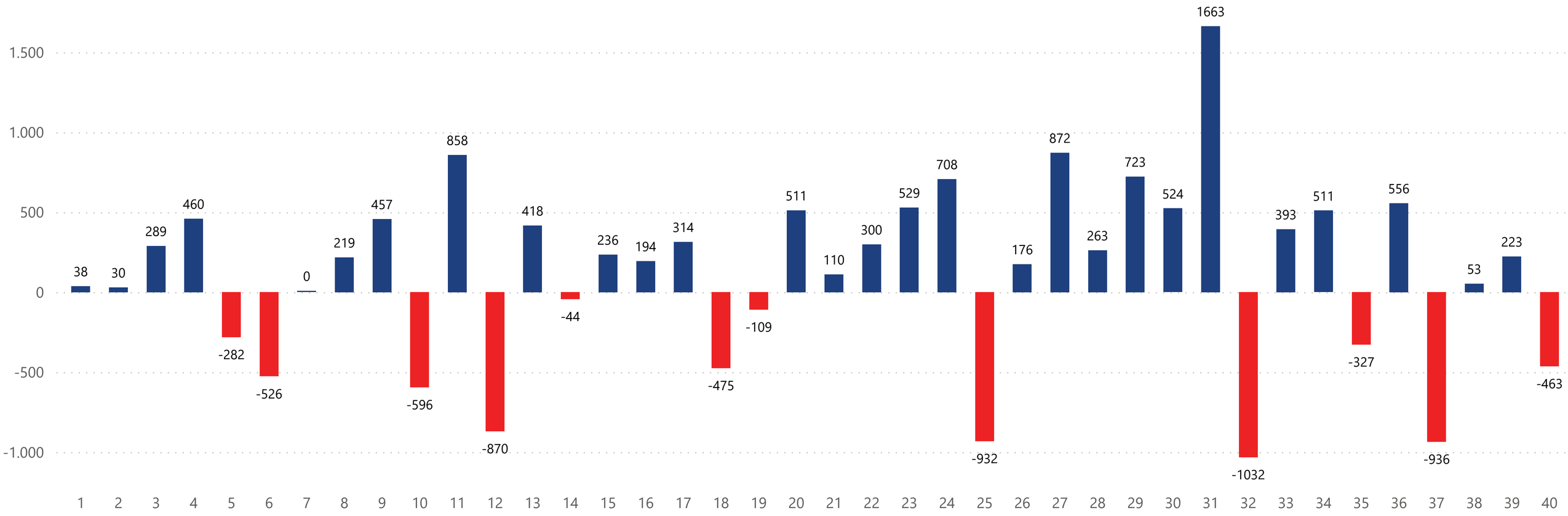

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH TỰ DOANH

## Mua/bán ròng theo tự doanh từ 2021 đến nay (Tỷ)

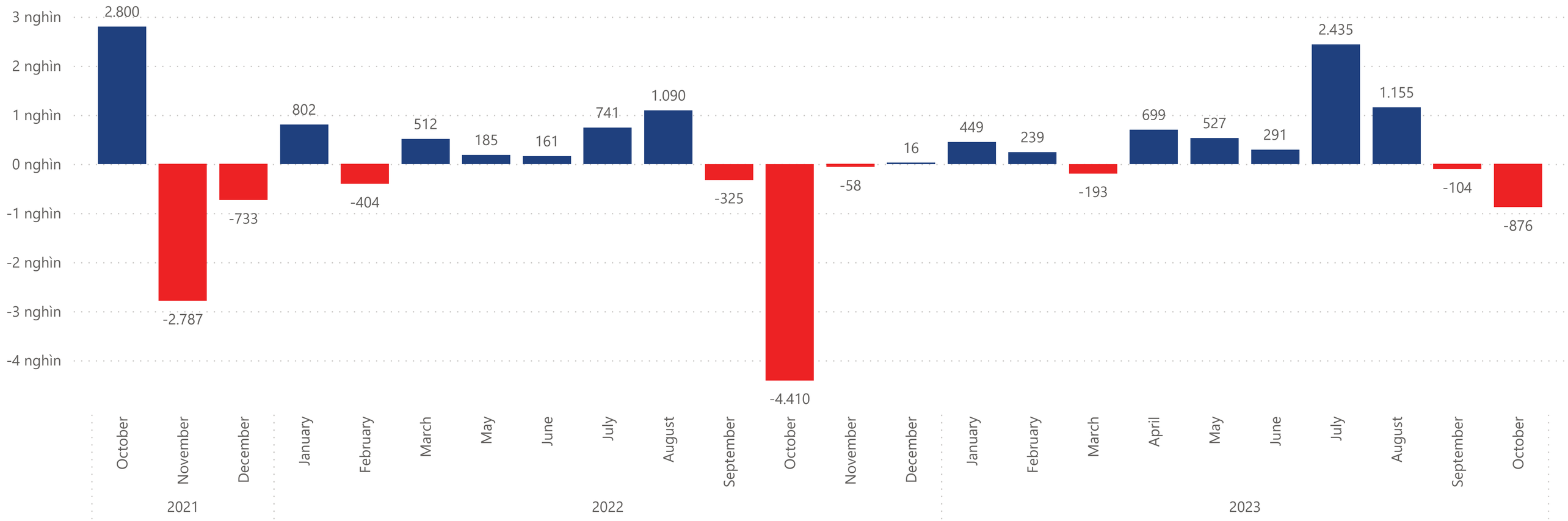

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH TỰ DOANH

Ngày
06/10/2023

## Top 10 cổ phiếu được mua ròng lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

| Mã cổ phiếu | Giá trị mua (Tỷ) |
|---|---|
| FUEVFVND | 92,92 |
| BCM | 64,20 |
| STB | 46,05 |
| SSI | 20,82 |
| MSB | 16,24 |
| FUESSVFL | 14,48 |
| E1VFVN30 | 13,94 |
| VRE | 12,65 |
| DIG | 10,48 |
| FRT | 10,13 |

Ngày
06/10/2023

## Top 10 cổ phiếu được bán ròng lớn nhất từ Tự doanh trong tuần

| Mã cổ phiếu | Giá trị bán (Tỷ) |
|---|---|
| EIB | -138,46 |
| VIX | -117,08 |
| MBB | -65,74 |
| FPT | -63,21 |
| VPB | -34,27 |
| VIC | -33,23 |
| GEX | -30,28 |
| VHM | -29,31 |
| LPB | -28,61 |
| MSN | -27,27 |

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH TỰ DOANH

Tuần
40

## Giá trị mua ròng tự doanh nhóm VN30 tuần 40 là -293,14 tỷ

| Mã cổ phiếu | Giá trị ròng (Tỷ) |
|---|---|
| BCM | 64,20 |
| SSI | 20,82 |
| BVH | 2,09 |
| GVR | -0,59 |
| BID | -2,92 |
| GAS | -4,23 |
| MWG | -5,74 |
| HPG | -7,90 |
| SHB | -11,17 |
| HDB | -13,74 |
| ACB | -17,87 |
| CTG | -18,61 |
| MSN | -27,27 |
| FPT | -63,21 |
| MBB | -65,74 |

| Mã cổ phiếu | Giá trị ròng (Tỷ) |
|---|---|
| STB | 46,05 |
| VRE | 12,65 |
| POW | 7,39 |
| SAB | -1,53 |
| VIB | -6,27 |
| VJC | -8,07 |
| SSB | -9,31 |
| VNM | -11,46 |
| TPB | -13,11 |
| TCB | -18,39 |
| VCB | -18,62 |
| PLX | -23,79 |
| VHM | -29,31 |
| VIC | -33,23 |
| VPB | -34,27 |

# DIỄN BIẾN GIAO DỊCH TỰ DOANH

**Ngày**

09/10/2023

| ETF Fundflow | Shares Out (Million) | AUM | Tuần trước | Quý trước | 2 Quý trước | 3 Quý trước | 4 Quý trước | Năm trước | Từ đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ETF SSIAM VNFIN LEAD | 232,90 | 182,75 | -0,45 | -16,96 | -1,01 | 0,99 | 22,28 | 42,91 | -17,43 |
| FTSE Vietnam Swap UCITS | 12,59 | 381,94 | 0,82 | -6,58 | 12,45 | 52,99 | 36,80 | 50,95 | 59,68 |
| Fubon FTSE Vietnam | 2.073,74 | 869,50 | 8,96 | -83,90 | 4,32 | 66,39 | 265,88 | 519,16 | -5,01 |
| iShares MSCI Frontier and Select EM | 23,60 | 630,50 | -7,67 | -68,36 | -73,86 | 133,57 | 254,43 | 197,72 | -16,32 |
| KINDEX Vietnam VN30 | 75,00 | 24,71 | 0,00 | 11,53 | -0,31 | -4,92 | 4,81 | 17,04 | 6,30 |
| Premia MSCI Vietnam | 5,75 | 49,65 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 2,70 | 8,73 | 0,00 |
| VanEck Vectors Vietnam | 42,35 | 620,30 | 0,00 | 13,57 | -18,08 | 94,34 | 123,16 | 77,03 | 89,83 |
| VFMVN Diamond | 767,40 | 824,92 | 0,00 | -40,25 | -14,54 | 22,06 | 125,99 | 298,50 | -32,74 |
| VFMVN30 | 383,90 | 330,71 | 0,00 | -34,54 | -29,79 | 19,52 | 28,97 | -53,20 | -44,81 |
| **Tổng** | | **3.914,98** | **1,66** | **-225,50** | **-120,82** | **384,94** | **865,02** | **1.158,83** | **39,50** |

# ETF Fund Flow

## Total ETF Funflow (Million USD)

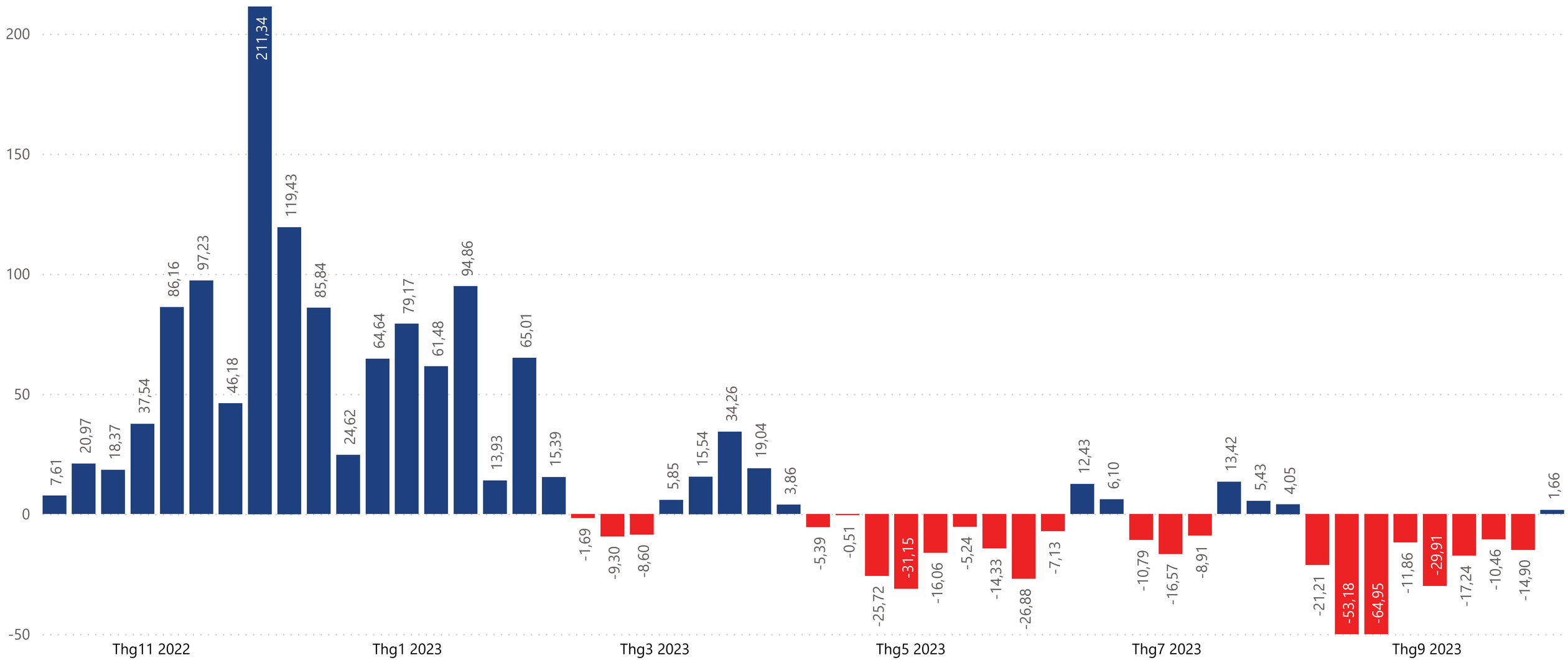

## VanEck Vectors Vietnam (Million USD)

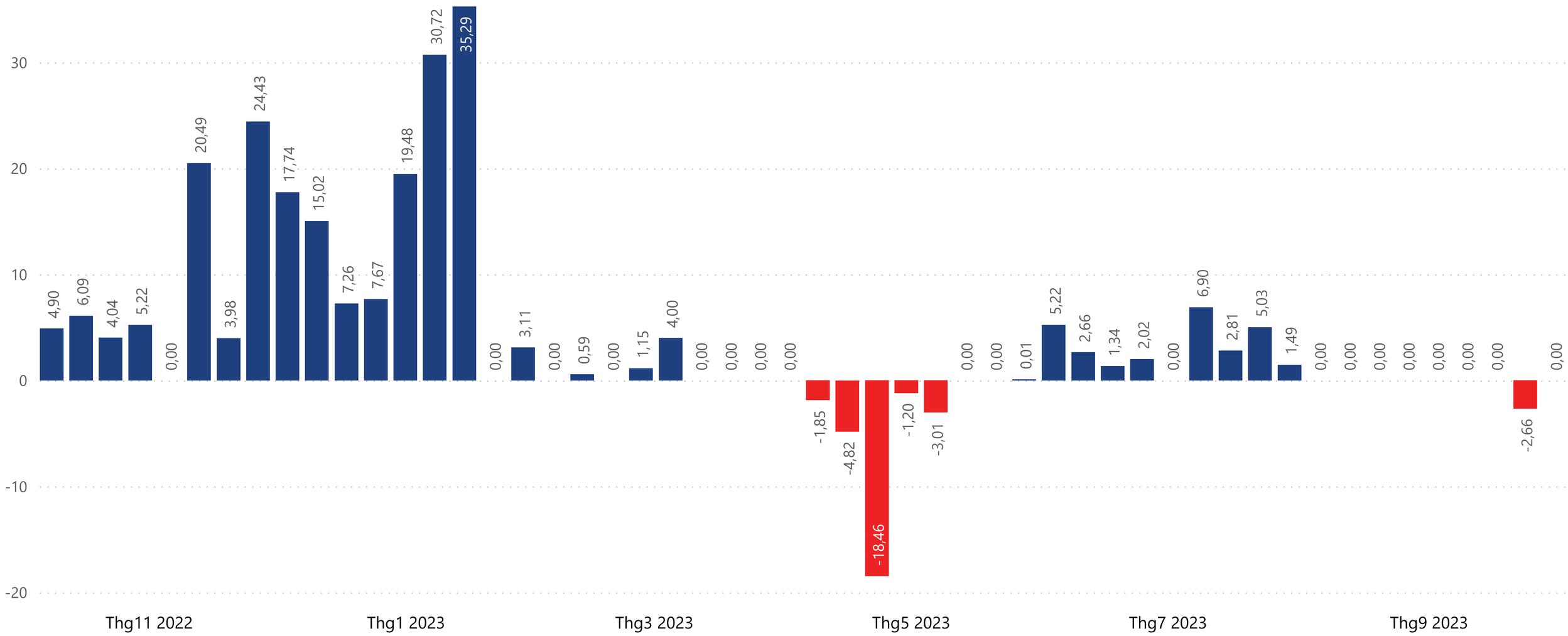

## ETF SSIAM VNFIN LEAD (Milions USD)

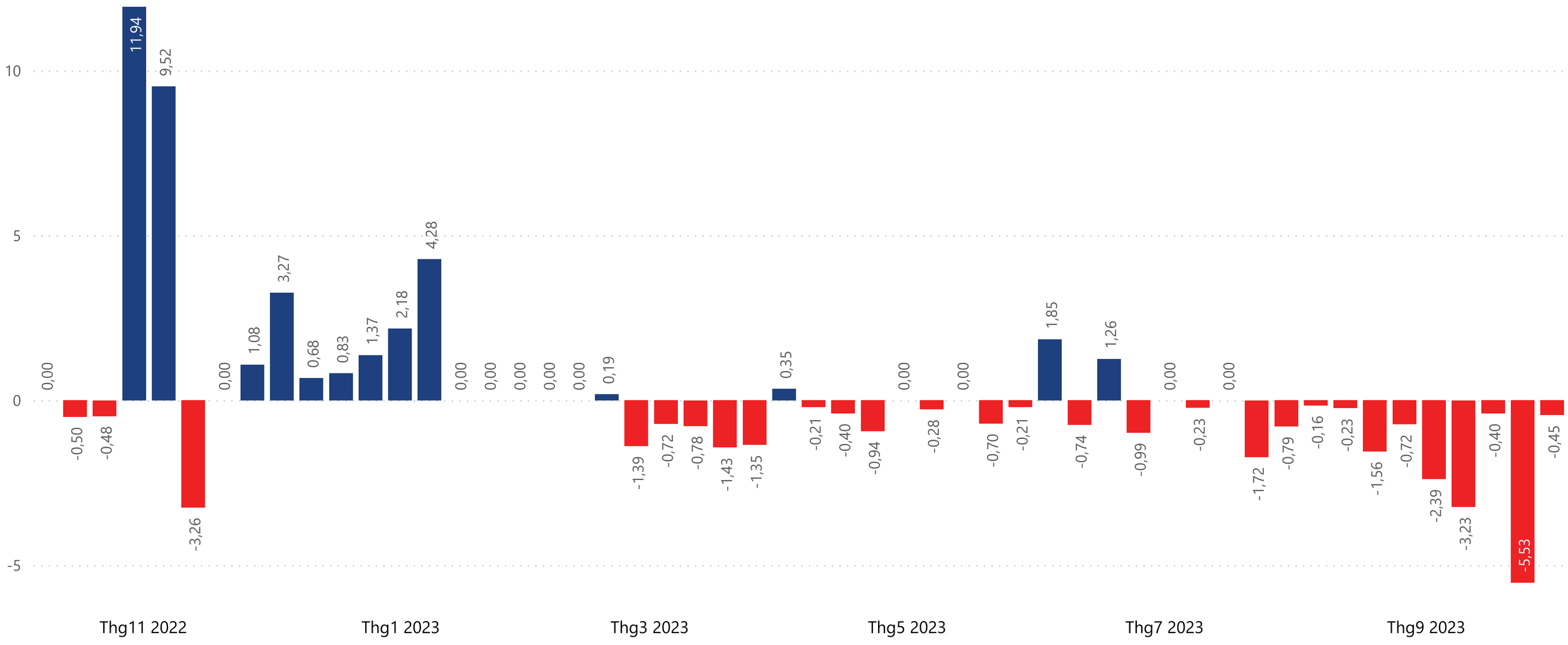

# ETF Fund Flow

## FTSE Vietnam Swap UCITS (Milions USD)

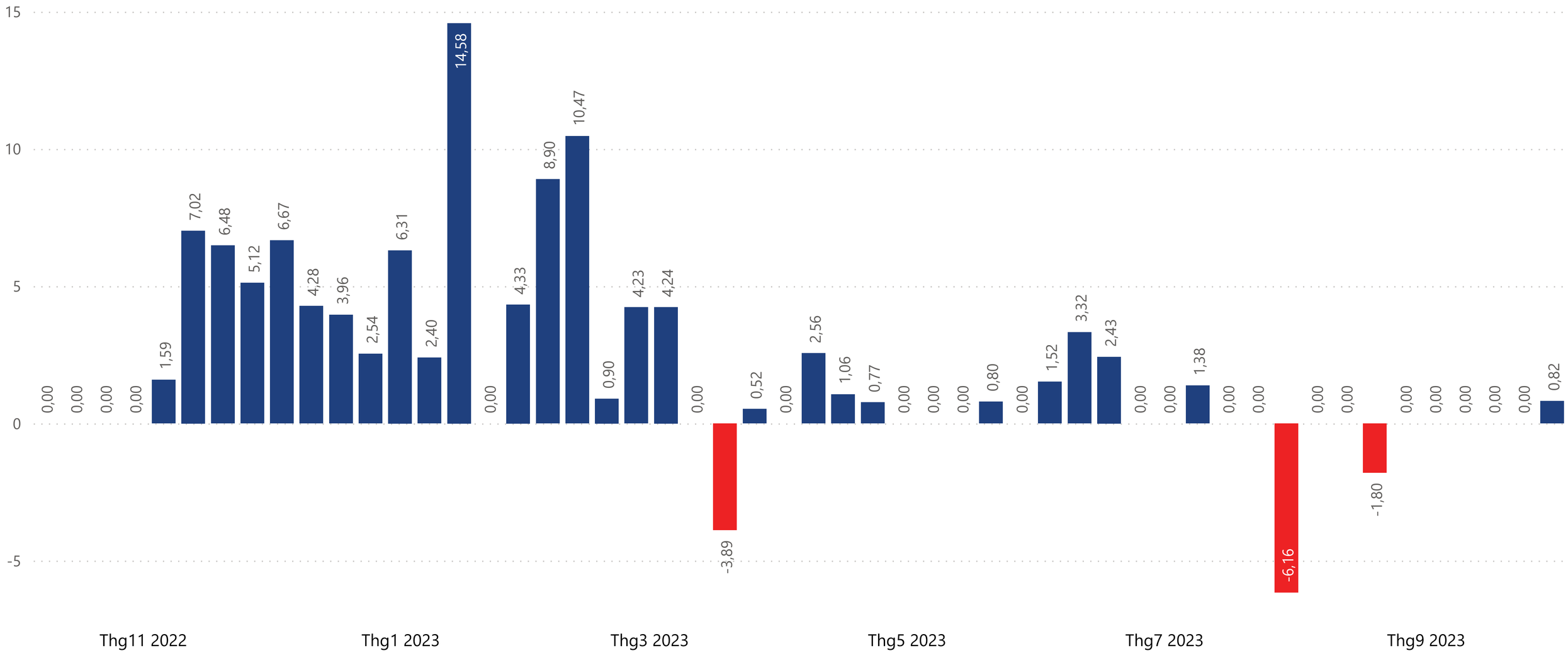

# ETF Fund Flow

## VFMVN30 (Milions USD)

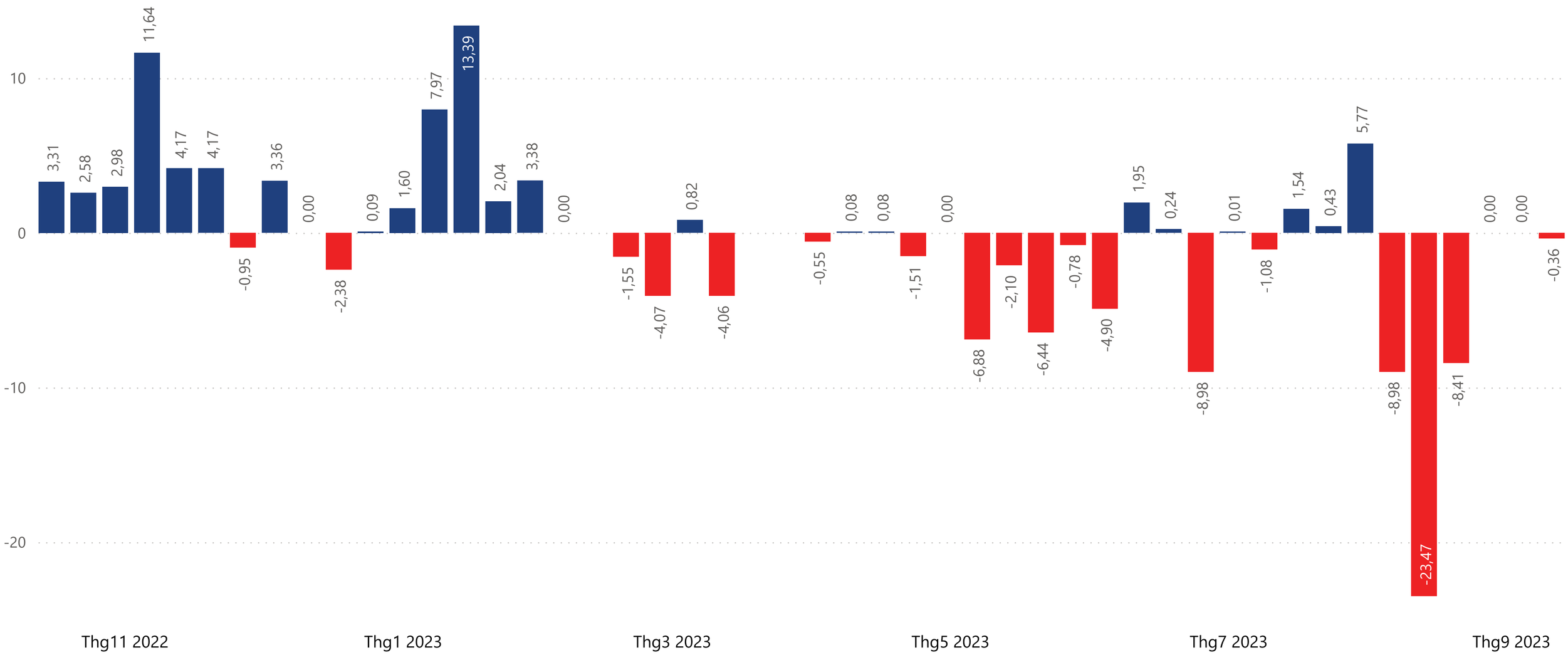

# ETF Fund Flow

## Fubon FTSE Vietnam (Milions USD)

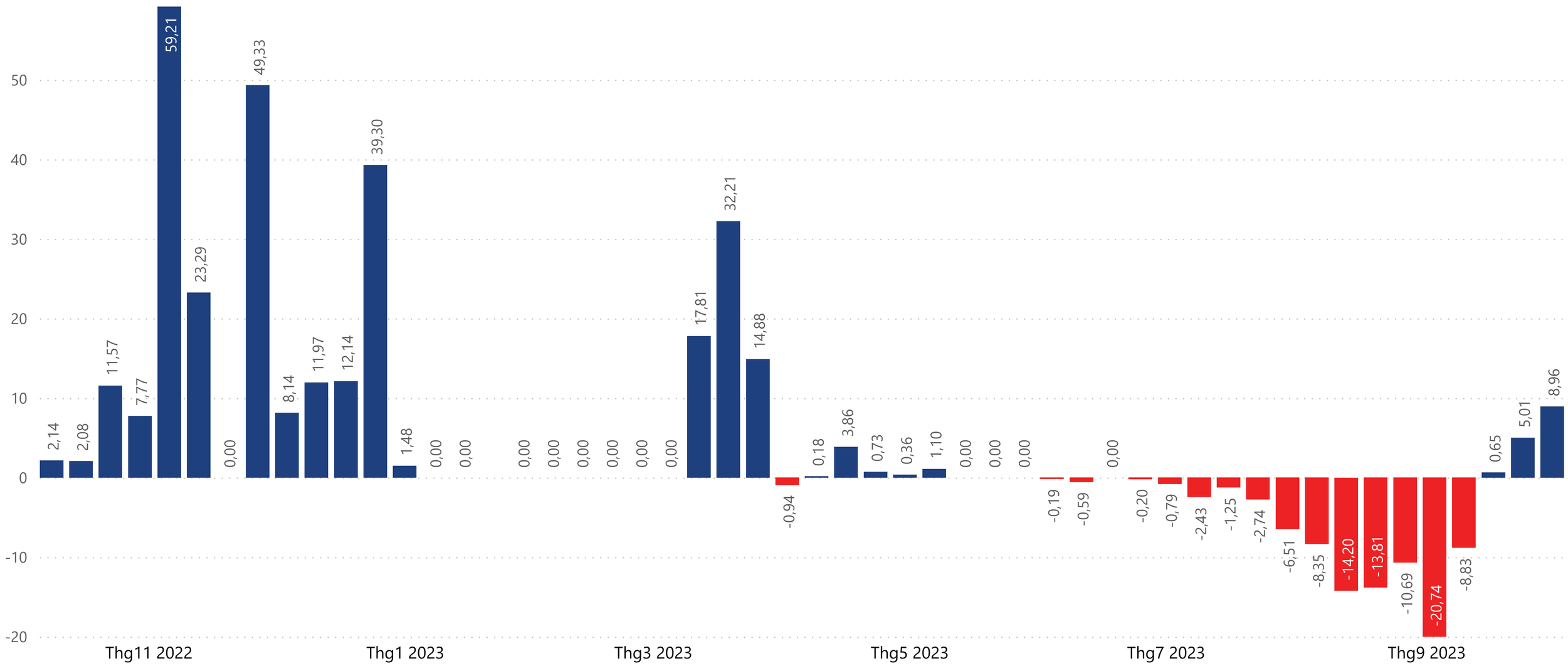

## iShares MSCI Frontier and Select EM (Milions USD)

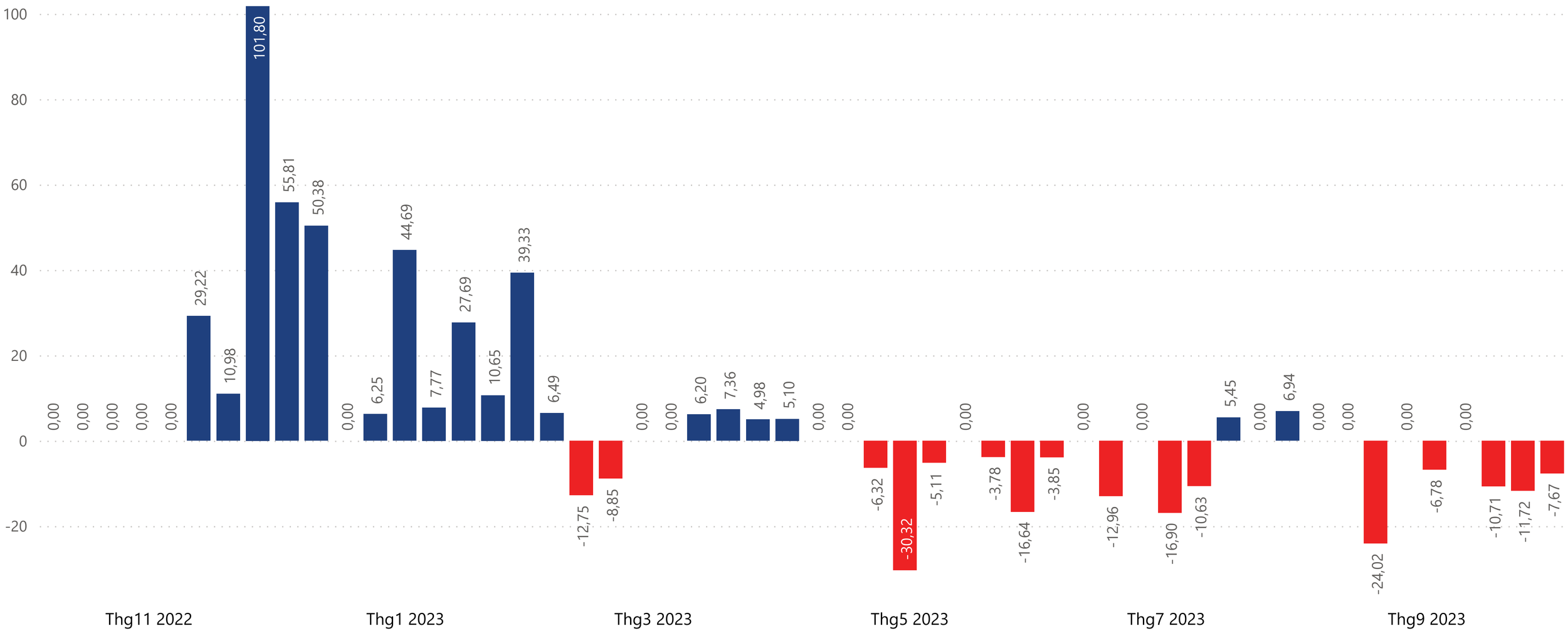

## KINDEX Vietnam VN30 (Milions USD)

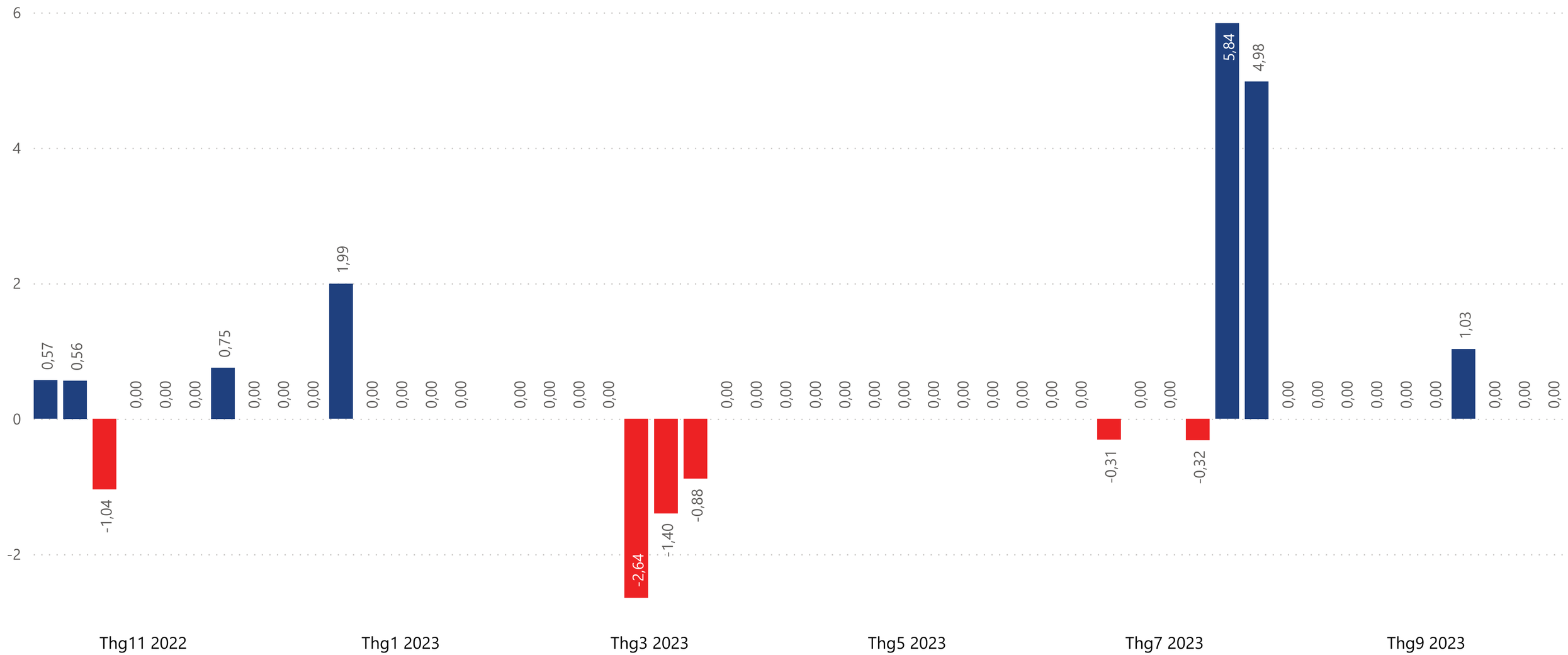

## Premia MSCI Vietnam (Milions USD)

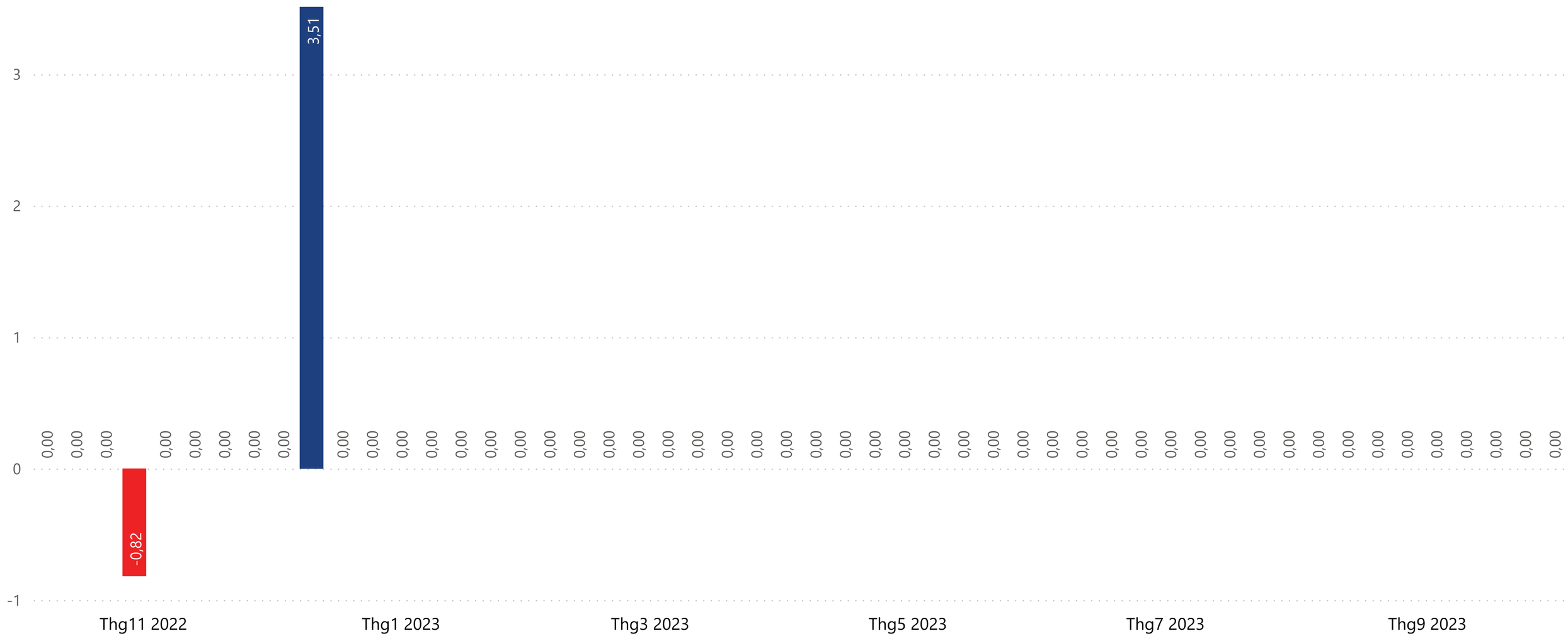

## VFMVN Diamond (Milions USD)

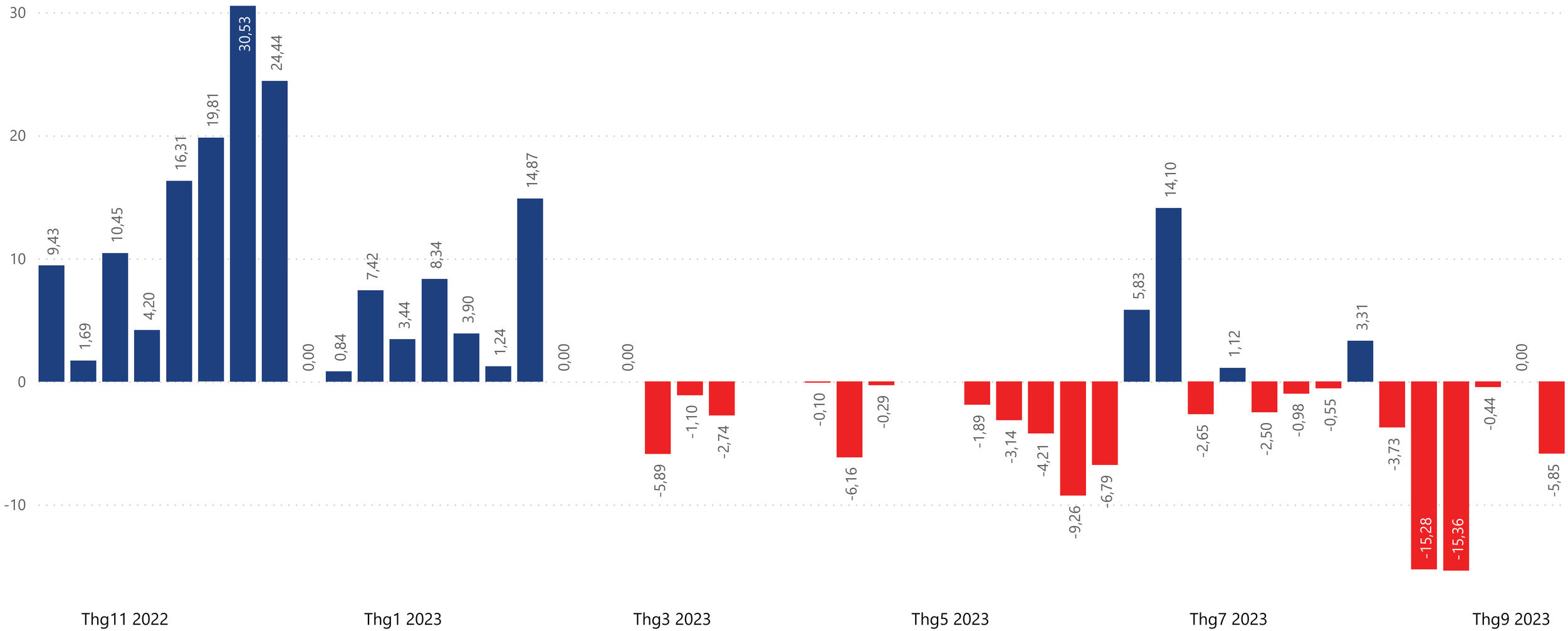

# TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tôi, Nguyễn Công Trạng, chứng chỉ hành nghề số 007229/MGCK xác nhận rằng các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.
Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Securities

THANHCONG

QUALITY MAKES DIFFERENCE

THANHCONG SECURITIES CO.

**A:** 2nd floor, No. 6 Ho Tung Mau St., Nguyen Thai Binh W., D.1, HCMC

**T**: (+84 28) 3827 0527 | **F**: (+84 28) 3821 80 10

www.tcsc.vn